

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. **Tên tổ chức:** Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (“HABECO”)
- **Mã chứng khoán/Mã thành viên:** BHN
- **Địa chỉ:** Số 183 Phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội.
- **Điện thoại liên hệ:** 024.38453843 Fax: 024.37223784
- **Email:** habeco@habeco.com.vn

2. **Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2026 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.
- Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính Quý 1 năm 2026 đã được soát xét của Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội.

3. **Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 28/04/2026 tại đường dẫn <http://www.habeco.com.vn>.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bùi Trường Thắng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI**

Báo cáo tài chính riêng
cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2026
đã được soát xét



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
<i>Báo cáo tình hình tài chính riêng</i>	5 – 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	10 – 11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng</i>	12 – 13
<i>Bàn thuyết minh Báo cáo tài chính riêng</i>	14 – 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026 kết thúc ngày 31/3/2026.

Khái quát

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch
Ông Ngô Quế Lâm	Thành viên
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên
Ông Trần Thuận An	Thành viên
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên độc lập
Bà Quân Lê Hà	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Trường Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thuận An	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	Đến ngày 22/4/2026
Ông Nguyễn Hạnh Bảo Phúc	Thành viên	Từ ngày 22/4/2026

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch HĐQT
Ông Ngô Quế Lâm	Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng kỳ kế toán Quý 1 năm 2026 kết thúc ngày 31/3/2026 cho Tổng Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/3/2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2026 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan. *nl*



Ngô Quế Lâm

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

4
CY
ÁN
CHÍ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.027.236.947.295	4.356.390.335.587
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	336.193.820.772	470.947.019.173
1. Tiền	111		301.193.820.772	114.947.019.173
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.000.000.000	356.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	3.138.111.900.000	3.393.078.900.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		3.138.111.900.000	3.393.078.900.000
4. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn (*)	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125		-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác (*)	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		309.531.013.474	193.991.728.699
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	191.807.816.063	77.466.015.192
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		20.789.259.484	21.898.776.963
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.4	102.720.667.474	100.413.666.091
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.5	(5.786.729.547)	(5.786.729.547)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	225.129.071.001	254.049.130.112
1. Hàng tồn kho	141		225.560.254.431	254.480.313.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(431.183.430)	(431.183.430)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn (*)	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		18.271.142.048	44.323.557.603
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.10	17.036.510.915	10.596.378.566
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		-	24.979.917.408
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.13	1.234.631.133	8.747.261.629
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.753.317.857.854	1.754.625.224.288
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	216		-	-
II. Tài sản cố định	220		370.228.353.043	392.084.834.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	356.099.335.710	376.407.373.308
- Nguyên giá	222		4.000.720.037.881	3.998.517.498.972
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.644.620.702.171)	(3.622.110.125.664)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	14.129.017.333	15.677.461.222
- Nguyên giá	228		83.856.739.537	83.856.739.537
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(69.727.722.204)	(68.179.278.315)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trưởng thành	232		-	-
b) Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng thành	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế (*)	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn (*)	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn	250	V.7	1.364.086.757	1.364.086.757
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		1.364.086.757	1.364.086.757

30: C KI P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	1.267.104.873.240	1.268.011.473.446
1. Đầu tư vào công ty con	261		1.122.326.153.223	1.122.326.153.223
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		131.369.420.164	131.369.420.164
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		36.250.000.000	36.250.000.000
4. Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn (*)	264		(22.840.700.147)	(21.934.099.941)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn (*)	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		114.620.544.814	93.164.829.555
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.10	114.620.544.814	93.164.829.555
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		5.780.554.805.149	6.111.015.559.875

138

ÔNG

NH

MTI

V.

HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.382.885.689.462	1.774.813.708.631
I. Nợ ngắn hạn	310		1.382.885.689.462	1.774.813.708.631
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	622.276.012.381	1.159.881.170.059
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	10.668.505.610	22.082.414.393
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		61.724.635.284	61.723.435.284
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.13	202.745.174.604	150.588.081.655
5. Phải trả người lao động	315		56.677.736.707	113.330.656.955
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.14	194.680.958.524	50.500.908.366
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16	331.488.000	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.15	160.404.347.658	148.864.398.672
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	V.17	15.427.344.828	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		57.949.485.866	67.842.643.247
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338		-	-
9. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

4.1
Y
ÁN
CHỈ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo tình hình tài chính riêng (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối kỳ	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	4.397.669.115.687	4.336.201.851.244
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.083.800.291.522	1.083.800.291.522
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		10.701.027.465	10.737.027.465
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		985.167.796.700	923.664.532.257
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		922.800.532.257	523.407.620.273
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		62.367.264.443	400.256.911.984
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5.780.554.805.149	6.111.015.559.875

Người lập biểu

Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**

Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2026	Quý 1/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	1.470.199.164.596	1.105.601.561.634	1.470.199.164.596	1.105.601.561.634
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.2	21.300.699.040	6.357.739.287	21.300.699.040	6.357.739.287
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	1.448.898.465.556	1.099.243.822.347	1.448.898.465.556	1.099.243.822.347
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.109.659.197.538	858.857.294.443	1.109.659.197.538	858.857.294.443
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		339.239.268.018	240.386.527.904	339.239.268.018	240.386.527.904
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-	-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5	50.718.011.385	36.206.573.424	50.718.011.385	36.206.573.424
8. Chi phí tài chính	23	VI.6	1.509.323.485	1.360.420.647	1.509.323.485	1.360.420.647
<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>	24		-	-	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7	257.600.110.526	192.353.652.728	257.600.110.526	192.353.652.728
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	56.523.532.401	44.671.569.397	56.523.532.401	44.671.569.397
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		74.324.312.991	38.207.458.556	74.324.312.991	38.207.458.556
12. Thu nhập khác	31	VI.9	3.636.266.805	1.762.355.864	3.636.266.805	1.762.355.864
13. Chi phí khác	32	VI.10	1.499.242	-	1.499.242	-
14. Lợi nhuận khác	40		3.634.767.563	1.762.355.864	3.634.767.563	1.762.355.864

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 1/2026	Quý 1/2025	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		77.959.080.554	39.969.814.420	77.959.080.554	39.969.814.420
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	15.591.816.111	7.566.152.292	15.591.816.111	7.566.152.292
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	427.810.593	-	427.810.593
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		62.367.264.443	31.975.851.535	62.367.264.443	31.975.851.535

Người lập biểu

Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy

Ngô Quế Lâm



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		77.959.080.554	39.969.814.420
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		23.926.946.760	29.844.382.342
- Các khoản dự phòng	03		16.333.945.034	1.088.791.331
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(49.713.148.724)	(35.933.253.790)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.506.823.624	34.969.734.303
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(84.337.034.294)	(144.642.634.812)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		28.920.059.111	30.910.973.478
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(401.323.411.300)	(407.888.145.924)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(27.895.847.608)	7.822.987.875
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.730.611.427)	(53.304.293.789)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.793.157.381)	(23.522.522.988)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(438.653.179.275)	(555.653.901.857)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.070.465.273)	(469.996.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(844.034.000.000)	(791.861.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.099.001.000.000	769.720.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		51.003.446.147	33.287.708.737
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		303.899.980.874	10.676.712.737

50521
CỘNG
TN
KIỂM
N
PHỔ I

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(134.753.198.401)	(544.977.189.120)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		470.947.019.173	646.361.710.800
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		336.193.820.772	101.384.521.680

Người lập biểu

Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng

Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc

Ngô Quế Lâm

884.
TY
IH
OÁT
A
CH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý 1 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Hà Nội tiền thân là Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội, được thành lập theo Quyết định số 75/2003/QĐ-BCN ngày 6 tháng 5 năm 2003 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty chính thức chuyển đổi hình thức từ doanh nghiệp Nhà nước sang công ty cổ phần với tên gọi Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội theo Quyết định số 1863/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2007 và Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 16 tháng 5 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 16 tháng 6 năm 2008. Giấy chứng nhận thay đổi lần 7 theo số 0101376672 ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty là sản xuất, thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; Bán buôn đồ uống; Bán buôn gạo, lúa mỳ, bột mỳ, hạt ngũ cốc khác; Cho thuê kho bãi; Cho thuê máy móc, thiết bị.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Số lượng nhân viên của Tổng Công ty vào ngày 31/3/2026 là: 508 người (tại ngày 31/12/2025 là 509 người).

- Tại ngày 31/3/2026 Tổng Công ty có các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Kinh doanh bia rượu	50.000.000.000	100%	100%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Sản xuất bia	40.000.000.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Sản xuất bia	91.792.900.000	65,01%	65,01%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Sản xuất bia	20.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Sản xuất bia	76.912.260.000	66,31%	66,31%
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Sản xuất bia	114.245.700.000	55,00%	55,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Sản xuất bia	58.000.000.000	62,05%	62,05%
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Sản xuất nắp chai	20.000.000.000	68,95%	68,95%
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Sản xuất rượu	200.000.000.000	54,29%	54,29%
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Kinh doanh bia rượu	31.230.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Kinh doanh bia rượu	15.000.000.000	52,64%	52,64%
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Sản xuất bia	200.000.000.000	96,10%	96,10%
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Sản xuất bia	180.000.000.000	51,00%	51,00%
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Sản xuất bia	110.000.000.000	98,56%	98,56%
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Sản xuất bia	160.000.000.000	75,83%	80,75%
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Sản xuất bia	100.000.000.000	53,89%	53,89%

- Tại ngày 31/3/2026 Tổng Công ty có các công ty liên kết như sau:

Tên Công ty liên kết	Ngành hoạt động	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Sản xuất bia	39.860.000.000	28,10%	28,10%
Công ty CP Vận tải Habeco	Vận tải	25.000.000.000	28,00%	28,00%
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Thương mại, dịch vụ	300.000.000.000	45,00%	45,00%
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Thương mại, dịch vụ	63.384.000.000	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Sản xuất và kinh doanh sành sứ	160.772.505.787	27,21%	27,21%
Công ty CP Bao bì Habeco	Sản xuất bao bì	35.000.000.000	44,22%	44,22%

- Tại ngày 31/3/2026 Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Mê Linh tại Thôn Yên Nhân, xã Mê Linh, TP Hà Nội;

+ Chi nhánh Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội - Nhà máy Bia Hà Nội - Hoàng Hoa Thám tại Số 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Trong kỳ Tổng công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với kỳ trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên báo cáo tài chính riêng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 27/10/2025.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Khi mua, bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi); Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp doanh nghiệp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ nhưng trong hợp đồng không quy định tỷ giá hối đoái cụ thể, doanh nghiệp sử dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch để ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ cho từng trường hợp như sau:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước tiền của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận doanh thu, thu nhập).

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phân bổ chi phí).

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán (không áp dụng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ghi nhận tài sản).

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ, doanh nghiệp phải đánh giá lại số dư tất cả các tài khoản tiền gửi bằng ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản tiền gửi.

+ Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không phải là tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ thì đánh giá lại theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ đều phải được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ phải trình bày vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo số thuần giữa tổng số lãi và tổng số lỗ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất giữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

321:
:ON
TN
EM
NT
10' t

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con; Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

c) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

d) Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán lập báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến tổn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối kỳ trừ đi các khoản

384.
TY
IH
OÁN
A
CH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Kỳ này	Kỳ trước
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15	03 – 15
Phương tiện vận tải	06 – 10	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 08	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 – 05	03 – 05
Thương hiệu	04	04
Phần mềm máy tính	03 – 08	03 – 08

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí chờ phân bổ

Các chi phí chờ phân bổ chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ được ghi nhận là chi phí chờ phân bổ ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí chờ phân bổ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc kế toán hợp đồng hợp tác kinh doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính riêng của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận

Phải trả cổ tức, lợi nhuận được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng Công ty.

Thời điểm Tổng Công ty ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, thành viên góp vốn của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật liên quan. Việc xác định thời điểm và việc chi trả cổ tức, lợi nhuận thực hiện như sau: Đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của pháp luật về chứng khoán thì thời điểm bên nhận đầu tư không có quyền từ chối chi trả cổ tức được căn cứ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Tổng Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

305
C
KIẾ
I
PH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Tổng Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng và ghi giảm doanh thu, trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động bao gồm Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

1-C
Y
ÁN
CHỈ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	-	-
Tiền gửi ngân hàng	301.193.820.772	114.947.019.173
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam-CN Hà Nội	92.068.240.622	1.513.158.187
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn – Hà Nội -CN Thăng Long	43.900.268.399	52.796.890.437
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hoàng Mai	54.932.098.093	141.342.924
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	52.445.713.776	4.263.789.730
- Các ngân hàng khác	57.847.499.882	56.231.837.895
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi có kỳ hạn gốc đến 3 tháng)	35.000.000.000	356.000.000.000
Cộng	336.193.820.772	470.947.019.173

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
- Ngắn hạn	3.138.111.900.000	3.138.111.900.000	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000	
Tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 3 tháng đến 12 tháng (*)	3.138.111.900.000	3.138.111.900.000	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000	
- Dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	3.138.111.900.000	3.138.111.900.000	3.393.078.900.000	3.393.078.900.000	

(*) **Ghi chú:** Tổng số dư tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng đang được cầm cố tại ngân hàng đến ngày 31/3/2026 là 410.900.000 VND để bảo đảm cho việc phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty con

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco	100,00%	50.000.000.000	100,00%	50.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	55,00%	30.631.673.095	55,00%	30.631.673.095
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	65,01%	82.343.478.402	65,01%	82.343.478.402
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	51,00%	10.200.000.000	51,00%	10.200.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	66,31%	56.448.402.482	66,31%	56.448.402.482
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	55,00%	82.689.355.104	55,00%	82.689.355.104
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	62,05%	37.666.057.755	62,05%	37.666.057.755
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	68,95%	14.487.313.191	68,95%	14.487.313.191
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	54,29%	143.696.608.717	54,29%	143.696.608.717
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	60,00%	22.977.925.427	60,00%	22.977.925.427
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	52,64%	8.673.477.197	52,64%	8.673.477.197
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - NGK Hà Nội	96,10%	223.535.805.853	96,10%	223.535.805.853
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	51,00%	91.800.000.000	51,00%	91.800.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	98,56%	106.581.700.000	98,56%	106.581.700.000
Công ty CP Habeco Hải Phòng	75,83%	106.709.356.000	75,83%	106.709.356.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	53,89%	53.885.000.000	53,89%	53.885.000.000

Cộng **1.122.326.153.223**

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con **19.547.758.345**

Giá trị thuần **1.102.778.394.878**

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty con tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty CP Habeco Hải Phòng là 80,75%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****c) Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

Đối tượng	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	28,10%	11.200.000.000	28,10%	11.200.000.000
Công ty CP Vận tải Habeco	28,00%	8.304.865.190	28,00%	8.304.865.190
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	45,00%	16.478.300.000	45,00%	16.478.300.000
Công ty CP Harec Đầu tư và Thương mại	40,00%	27.305.100.155	40,00%	27.305.100.155
Công ty TNHH Thủy tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	27,21%	52.605.154.819	27,21%	52.605.154.819
Công ty CP Bao bì Habeco	44,22%	15.476.000.000	44,22%	15.476.000.000
Cộng		131.369.420.164		131.369.420.164
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		-		-
Giá trị thuần		131.369.420.164		131.369.420.164

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****d) Đầu tư vào đơn vị khác****Đối tượng**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty CP Bất động sản Lilama	15,52%	16.250.000.000	15,52%	16.250.000.000
Trường Đại Học Công Nghiệp Vinh	3,58%	5.000.000.000	3,58%	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Vinaceglass	6,00%	12.000.000.000	6,00%	12.000.000.000
Công ty CP Bia Hà Nội - Hưng Yên 89	5,00%	3.000.000.000	5,00%	3.000.000.000
Cộng		36.250.000.000		36.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác		2.386.341.596		2.386.341.596
Giá trị thuần		33.863.658.404		33.863.658.404

Ghi chú: Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty trong các đơn vị khác tương ứng với tỷ lệ sở hữu tại các công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty tại Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hưng Yên 89 là 17,5%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	191.807.816.063	77.466.015.192
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	142.310.978.031	37.046.648.647
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	302.458.686	717.254.581
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	16.714.636	16.324.265
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	3.582.159.792	2.128.750.042
Công ty TNHH MTV thương mại HABECO Miền Trung	31.087.071.494	6.473.256.297
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	6.726.515.383	23.446.633.510
Phải thu các khách hàng khác	7.781.918.041	7.637.147.850
b) Dài hạn	-	-
Cộng	191.807.816.063	77.466.015.192

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

4. Phải thu khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	102.720.667.474	100.413.666.091
Tạm ứng	1.251.000.000	204.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, cho vay	82.771.188.151	84.061.485.574
Phải thu lãi cho Công ty CP Sữa Việt Mỹ vay	834.570.285	834.570.285
Văn phòng đại diện Kronos tại Hà Nội	9.182.856.480	9.182.856.480
Phải thu khác	8.681.052.558	6.130.753.752
b) Dài hạn	-	-
Cộng	102.720.667.474	100.413.666.091

c) Phải thu khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****5. Nợ xấu**

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Công ty cổ phần xây dựng BYD Việt Nam	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	1.702.148.115	
Công ty CP Sữa Việt Mỹ	834.570.285	834.570.285	834.570.285	834.570.285	
Công ty cổ phần Lilama Hà Nội	601.913.468	601.913.468	601.913.468	601.913.468	
Hợp tác xã thương binh nặng 27/7	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	1.677.613.000	
Các đối tượng khác	970.484.679	970.484.679	970.484.679	970.484.679	
Cộng	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	5.786.729.547	

6. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Nguyên liệu, vật liệu	103.526.570.360	-	105.382.374.311	-	
Công cụ, dụng cụ	55.300.631.424	431.183.430	56.878.031.551	431.183.430	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.922.651.519	-	28.001.542.976	-	
Sản phẩm	27.866.094.528	-	60.704.671.844	-	
Hàng hóa	944.306.600	-	3.513.692.860	-	
Cộng	225.560.254.431	431.183.430	254.480.313.542	431.183.430	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

7. Tài sản dở dang dài hạn	Đơn vị tính: VND			
	Đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án ERP	1.159.158.953	-	-	1.159.158.953
Chi phí sửa chữa văn phòng làm việc tầng 1	13.301.979	-	-	13.301.979
Hội trường Tổng công ty				
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	191.625.825	-	-	191.625.825
Cộng	1.364.086.757	-	-	1.364.086.757

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****8. Tàng, giám tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình						
Số dư đầu năm	876.046.415.514	2.984.302.479.442	44.429.175.878	82.519.299.008	11.220.129.130	3.998.517.498.972
Số tăng trong kỳ	-	-	1.344.771.273	748.943.636	108.824.000	2.202.538.909
- Mua sắm mới	-	-	1.344.771.273	616.870.000	108.824.000	2.070.465.273
- Tăng khác	-	-	-	132.073.636	-	132.073.636
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	876.046.415.514	2.984.302.479.442	45.773.947.151	83.268.242.644	11.328.953.130	4.000.720.037.881
Giá trị đã hao mòn						
Số dư đầu năm	700.442.552.574	2.803.098.964.666	37.329.679.529	71.735.619.448	9.503.309.447	3.622.110.125.664
Tăng trong kỳ	9.329.374.281	11.252.215.587	561.254.261	1.154.919.090	212.813.288	22.510.576.507
- Khấu hao trong kỳ	9.329.374.281	11.252.215.587	561.254.261	1.022.845.454	212.813.288	22.378.502.871
- Tăng khác	-	-	-	132.073.636	-	132.073.636
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	709.771.926.855	2.814.351.180.253	37.890.933.790	72.890.538.538	9.716.122.735	3.644.620.702.171
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình						
Tại ngày đầu năm	175.603.862.940	181.203.514.776	7.099.496.349	10.783.679.560	1.716.819.683	376.407.373.308
Tại ngày cuối kỳ	166.274.488.659	169.951.299.189	7.883.013.361	10.377.704.106	1.612.830.395	356.099.335.710

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 2.627.139.236.270 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Thương hiệu	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	83.523.975.780	83.856.739.537
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	83.523.975.780	83.856.739.537
<i>Giá trị đã hao mòn</i>			
Số dư đầu năm	332.763.757	67.846.514.558	68.179.278.315
Số tăng trong kỳ	-	1.548.443.889	1.548.443.889
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	332.763.757	69.394.958.447	69.727.722.204
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình</i>			
Tại ngày đầu năm	-	15.677.461.222	15.677.461.222
Tại ngày cuối kỳ	-	14.129.017.333	14.129.017.333

*** Ghi chú:**

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết giá trị nhưng vẫn còn sử dụng là: 40.590.406.530 đồng.

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 đồng.

10. Chi phí chờ phân bổ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	17.036.510.915	10.596.378.566
Chi phí bảo hiểm	1.889.586.031	3.073.262.028
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	11.100.117.704	1.662.638.636
Chi phí sửa chữa tài sản và phụ tùng thay thế	4.046.807.180	5.860.477.902
b) Dài hạn	114.620.544.814	93.164.829.555
Chi phí vỏ chai, keg	93.528.574.353	71.253.774.522
Chi phí tiền thuê đất, thuê kho	18.142.368.206	18.253.172.817
Chi phí biển hiệu, vật dụng quảng cáo	2.949.602.255	3.552.594.729
Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	-	105.287.487
Cộng	131.657.055.729	103.761.208.121

4-C
TY
1
DÁN
4
CHỈ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****11. Phải trả người bán**

	Cuối kỳ		Đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Ngắn hạn	622.276.012.381	622.276.012.381	1.159.881.170.059	1.159.881.170.059	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	-	-	280.800.000	280.800.000	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thái Bình	9.390.516.300	9.390.516.300	151.655.625	151.655.625	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	2.547.425.101	2.547.425.101	16.488.211.158	16.488.211.158	
Cty liên doanh TNHH Crown Hà Nội	25.592.319.043	25.592.319.043	48.379.003.272	48.379.003.272	
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Vận tải Hồng Phát	1.258.028.130	1.258.028.130	957.463.135	957.463.135	
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Thái Tân	6.313.328.574	6.313.328.574	20.717.118.944	20.717.118.944	
Công ty CP Vận tải Habeco	3.469.890.820	3.469.890.820	2.148.416.204	2.148.416.204	
Công ty CP đầu tư phát triển công nghệ Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	1.143.256.654	1.143.256.654	85.033.987.335	85.033.987.335	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Nghệ An	12.760.834.776	12.760.834.776	37.367.442.853	37.367.442.853	
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	1.598.821.422	1.598.821.422	56.858.198.140	56.858.198.140	
Công ty Cổ phần Bao bì HABECO	6.558.383.715	6.558.383.715	6.050.229.099	6.050.229.099	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Trị	17.563.868.099	17.563.868.099	18.906.968.470	18.906.968.470	
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Quảng Bình	5.353.673.916	5.353.673.916	8.901.689.918	8.901.689.918	
CN công ty TNHH ASIA Packaging industries (Việt nam) tại miền Bắc	61.449.006.509	61.449.006.509	24.083.395.685	24.083.395.685	
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	1.164.326.200	1.164.326.200	470.318.200	470.318.200	
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại HABECO	151.327.680.277	151.327.680.277	342.187.211.196	342.187.211.196	
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn khác	314.784.652.845	314.784.652.845	490.899.060.825	490.899.060.825	
b) Dài hạn	-	-	-	-	
Cộng	622.276.012.381	622.276.012.381	1.159.881.170.059	1.159.881.170.059	

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có.**d) Phải trả người bán là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****12. Người mua trả tiền trước**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	10.668.505.610	22.082.414.393
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Hà Nội	4.147.583.103	18.724.877.098
Công ty Cổ phần Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	546.001.172	546.001.172
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	5.974.921.335	2.811.536.123
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.668.505.610	22.082.414.393

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Đầu năm	Phải nộp trong kỳ	Đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
a) Phải nộp	150.588.081.655	493.903.408.816	441.746.315.867	202.745.174.604
Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	56.296.105.328	28.349.421.347	27.946.683.981
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	308.753.520	308.753.520	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	137.412.344.187	407.947.465.816	389.875.663.146	155.484.146.857
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.156.846.903	15.591.816.111	11.730.611.427	15.018.051.587
Thuế thu nhập cá nhân	1.947.091.125	13.356.158.287	11.253.707.051	4.049.542.361
Thuế tài nguyên	71.799.440	294.387.504	228.159.376	138.027.568
Thuế, phí khác	-	108.722.250	-	108.722.250
b) Phải thu	8.747.261.629	7.514.129.736	1.499.240	1.234.631.133
Thuế đất, tiền thuê đất	8.747.144.222	7.512.630.496	-	1.234.513.726
Thuế, phí khác	117.407	1.499.240	1.499.240	117.407

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả**

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	194.680.958.524	50.500.908.366
Chi phí bán hàng, hỗ trợ bán hàng	188.008.504.271	34.077.607.353
Trích trước chi phí sửa chữa	683.057.228	1.709.154.434
Trích trước chi phí XD/CB	1.383.512.697	1.383.512.697
Chi phí phải trả khác	4.605.884.328	13.330.633.882
b) Dài hạn	-	-
Cộng	194.680.958.524	50.500.908.366

15. Phải trả khác

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	160.404.347.658	148.864.398.672
Kinh phí công đoàn	359.055.595	326.886.137
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.233.542.707	1.300.507.211
Nhận ký cược chai keg	129.357.844.106	142.212.336.906
Chiết khấu thương mại phải trả	21.204.637.555	-
Phải trả phải nộp khác	8.249.267.695	5.024.668.418
b) Dài hạn	-	-
Cộng	160.404.347.658	148.864.398.672

c) Phải trả khác là các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.

16. Doanh thu chờ phân bổ

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	331.488.000	-
Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	331.488.000	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	331.488.000	-

17. Dự phòng phải trả

	Cuối kỳ VND	Đầu năm VND
a) Ngắn hạn	15.427.344.828	-
Dự phòng phải trả khác	15.427.344.828	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	15.427.344.828	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước (01/01/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.432.027.465	846.909.872.878	4.260.142.191.865
Lãi trong kỳ trước				31.975.851.535	31.975.851.535
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023				(266.570.000.000)	(266.570.000.000)
Trích quỹ KTPL từ lợi nhuận năm 2023				(55.636.252.605)	(55.636.252.605)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2023				(1.296.000.000)	(1.296.000.000)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(31.500.000)		(31.500.000)
Số dư cuối kỳ trước (31/3/2025)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	11.400.527.465	555.383.471.808	3.968.584.290.795
Số dư đầu năm nay (01/01/2026)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	10.737.027.465	923.664.532.257	4.336.201.851.244
Lãi trong kỳ này				62.367.264.443	62.367.264.443
Tạm trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm 2024				(864.000.000)	(864.000.000)
Sử dụng quỹ an sinh xã hội			(36.000.000)		(36.000.000)
Số dư cuối kỳ này (31/3/2026)	2.318.000.000.000	1.083.800.291.522	10.701.027.465	985.167.796.700	4.397.669.115.687

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ VND	%	Đầu năm VND	%
Vốn góp của nhà nước	1.895.924.000.000	81,79	1.895.924.000.000	81,79
Vốn góp của Carlsberg Breweries A/S	401.982.000.000	17,34	401.982.000.000	17,34
Vốn góp của Công ty TNHH Thương mại Carlsberg Việt Nam	3.814.000.000	0,16	3.814.000.000	0,16
Vốn góp của các cổ đông khác	16.280.000.000	0,70	16.280.000.000	0,70
Cộng	2.318.000.000.000	100	2.318.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	2.318.000.000.000	2.318.000.000.000

d) Cổ phiếu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	231.800.000	231.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	231.800.000	231.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng (mười nghìn đồng)***19. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	271.540,22	84.604,50

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
 Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

	Quý 1/2026		Quý 1/2025		Lũy kế từ đầu năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Doanh thu cung cấp sản phẩm, hàng hóa	1.462.314.166.636	1.096.632.211.275	1.462.314.166.636	1.096.632.211.275	1.462.314.166.636	1.096.632.211.275
Doanh thu cung cấp dịch vụ và khác	7.884.997.960	8.969.350.359	7.884.997.960	8.969.350.359	7.884.997.960	8.969.350.359
Cộng	1.470.199.164.596	1.105.601.561.634	1.470.199.164.596	1.105.601.561.634	1.470.199.164.596	1.105.601.561.634
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan: Xem thuyết minh VII.2.						
2. Các khoản giảm trừ doanh thu						
Hàng bán bị trả lại	96.061.485	93.902.301	96.061.485	93.902.301	96.061.485	93.902.301
Chiết khấu thương mại	21.204.637.555	6.263.836.986	21.204.637.555	6.263.836.986	21.204.637.555	6.263.836.986
Cộng	21.300.699.040	6.357.739.287	21.300.699.040	6.357.739.287	21.300.699.040	6.357.739.287
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ						
Doanh thu thuần cung cấp sản phẩm, hàng hóa	1.441.013.467.596	1.090.274.471.988	1.441.013.467.596	1.090.274.471.988	1.441.013.467.596	1.090.274.471.988
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ và khác	7.884.997.960	8.969.350.359	7.884.997.960	8.969.350.359	7.884.997.960	8.969.350.359
Cộng	1.448.898.465.556	1.099.243.822.347	1.448.898.465.556	1.099.243.822.347	1.448.898.465.556	1.099.243.822.347

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****4. Giá vốn hàng bán**

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Giá vốn sản phẩm	372.306.786.364	267.101.756.989	372.306.786.364	267.101.756.989
Giá vốn hàng hóa	737.352.411.174	591.755.537.454	737.352.411.174	591.755.537.454
Cộng	1.109.659.197.538	858.857.294.443	1.109.659.197.538	858.857.294.443

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	49.713.148.724	35.933.253.790	49.713.148.724	35.933.253.790
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.004.862.661	273.319.634	1.004.862.661	273.319.634
Cộng	50.718.011.385	36.206.573.424	50.718.011.385	36.206.573.424

6. Chi phí tài chính

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	602.723.279	271.629.316	602.723.279	271.629.316
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	906.600.206	1.088.791.331	906.600.206	1.088.791.331
Cộng	1.509.323.485	1.360.420.647	1.509.323.485	1.360.420.647

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CAO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****7. Chi phí bán hàng**

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ phân bố	12.209.010.616	3.726.062.563	12.209.010.616	3.726.062.563
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng hóa	35.733.553.300	13.723.005.774	35.733.553.300	13.723.005.774
Chi phí quảng cáo, khuyến mại, hỗ trợ	199.406.014.282	166.045.575.211	199.406.014.282	166.045.575.211
Các khoản chi phí bán hàng khác	10.251.532.328	8.859.009.180	10.251.532.328	8.859.009.180
Cộng	257.600.110.526	192.353.652.728	257.600.110.526	192.353.652.728

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Chi phí nhân viên quản lý	28.741.273.415	26.031.580.294	28.741.273.415	26.031.580.294
Chi phí khấu hao	8.126.777.332	7.711.686.403	8.126.777.332	7.711.686.403
Chi phí thuê đất	7.512.630.496	-	7.512.630.496	-
Chi phí quản lý khác	12.142.851.158	10.928.302.700	12.142.851.158	10.928.302.700
Cộng	56.523.532.401	44.671.569.397	56.523.532.401	44.671.569.397

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****9. Thu nhập khác**

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Thanh lý tài sản, CCDC	110.320.000	-	110.320.000	-
Thu phạt bồi thường	118.416.206	26.222.808	118.416.206	26.222.808
Thu từ bán bã bia	1.990.371.600	1.276.654.400	1.990.371.600	1.276.654.400
Thu hồi vỏ chai, keg	1.034.779.159	103.398.210	1.034.779.159	103.398.210
Thu nhập khác	382.379.840	356.080.446	382.379.840	356.080.446
Cộng	3.636.266.805	1.762.355.864	3.636.266.805	1.762.355.864

10. Chi phí khác

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế	1.499.240	-	1.499.240	-
Chi phí khác	2	-	2	-
Cộng	1.499.242	-	1.499.242	-

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	77.959.080.554	39.969.814.420	77.959.080.554	39.969.814.420
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	-	(2.139.052.958)	-	(2.139.052.958)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-	-	-
+ <i>Chi phí sửa chữa, cải tạo công trình và chi phí khác</i>	-	2.139.052.958	-	2.139.052.958
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	2.139.052.958	-	2.139.052.958
Tổng thu nhập chịu thuế	77.959.080.554	37.830.761.462	77.959.080.554	37.830.761.462
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.591.816.111	7.566.152.292	15.591.816.111	7.566.152.292

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026 VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	292.141.484.995	189.586.153.212	292.141.484.995	189.586.153.212
Chi phí nhân công	51.858.088.384	41.625.726.162	51.858.088.384	41.625.726.162
Chi phí khấu hao tài sản cố định	23.926.946.760	29.844.382.342	23.926.946.760	29.844.382.342
Chi phí dịch vụ mua ngoài	278.228.286.285	211.442.902.433	278.228.286.285	211.442.902.433
Chi phí khác bằng tiền	17.358.154.094	14.892.430.030	17.358.154.094	14.892.430.030
Cộng	663.512.960.518	487.391.594.179	663.512.960.518	487.391.594.179

13. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

Tổng Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp công ty phải lập cả báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin sự kiện sau niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

2. Thông tin về các bên liên quan

2.1 Danh mục các bên liên quan có phát sinh giao dịch

Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Nam Định	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Công ty con
Công ty CP Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Công ty con
Công ty Cổ phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Thương mại Bia Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội - Quảng Ninh	Công ty con
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu Nước giải khát Hà Nội	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Công ty con
Công ty CP Habeco Hải Phòng	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Hồng Hà	Công ty con
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bì	Công ty con
Công ty CP Vân tãi Habeco	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Phát triển Habeco	Công ty liên kết
Công ty CP Harec Đầu tư & Thương mại	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thủy Tinh San Mignel Yamamura Hải Phòng	Công ty liên kết
Công ty CP Bao bì Habeco	Công ty liên kết

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong kỳ kế toán Quý 1 năm 2026, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Đơn vị tính: VND Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
Công ty TNHH MTV TM Habeco	Thu hồi vỏ chai keg	425.709.091	5.398.182
	Bán hàng hóa, san phẩm	1.123.162.058.910	805.911.515.740
	Tiền điện, nước, khác	83.582.068	51.643.842
	Phạt vi phạm, khác	-	3.008.000
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	19.507.589.561	5.168.403.999
	Cho thuê VP, kho, vật dụng quảng cáo	1.952.194.740	3.782.923.570
	Khuyến mãi, hỗ trợ sản lượng tiêu thụ	87.028.533.608	63.967.633.562
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Bán quyền nhãn hiệu	136.663.200	72.464.544
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Bán quyền nhãn hiệu	14.546.146	11.211.823
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Mua hàng hóa	32.492.907.000	21.820.027.500
	Bán vật tư, hàng hóa	5.035.527.000	5.101.692.574
	Bán quyền nhãn hiệu	4.933.872	1.434.672
	Điện, nước và khác	26.948.601	-
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Mua hàng hóa	44.949.047.200	40.048.648.640
	Bán vật tư, hàng hóa	350.225.496.045	269.546.149.906
	Chi phí hỗ trợ bán hàng	19.645.734.328	14.838.922.199
	Bán quyền nhãn hiệu	24.191.136	13.448.592
	Thu hồi vỏ chai keg	248.000	495.000
	Hàng bán trả lại, chiết khấu thương mại	1.697.047.994	1.095.432.987
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Cho thuê kho	388.689.000	387.114.000
	Mua hàng hóa	13.526.165.580	10.580.942.500
	Bán vật tư, hàng hóa	2.529.916.960	1.950.189.500
	Doanh thu khác	1.597.200	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
Công ty CP Bao bì Bia Rượu NGK	Mua nắp chai	2.033.452.000	1.433.565.000
Công ty CP TM Bia Hà Nội	Bán sản phẩm	195.591.849.400	164.215.102.900
	Hàng bán trả lại	117.893.050	71.868.850
	Cho thuê mặt bằng, điện nước	804.142.300	782.159.400
	Tiền điện, nước, khác	50.110.563	35.055.171
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, VDQC, thuế keg	9.809.314.847	8.267.088.906
Công ty CP ĐTPT Công nghệ Bia Rượu NGK Hà Nội	Mua hàng hóa	145.759.594.800	105.026.380.720
	Bán vật tư, hàng hóa	63.534.511.017	34.405.595.645
	Bán quyền nhãn hiệu	239.597.057	227.521.872
	Doanh thu khác	40.457.280	-
	Mua hàng hóa	75.966.135.650	63.771.978.160
	Bán vật tư, hàng hóa	28.838.093.950	22.448.068.120
	Bán quyền nhãn hiệu	175.500	-
	Điện, nước và khác	378.555	-
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Mua hàng hóa	105.740.472.640	98.978.922.000
	Bán vật tư, hàng hóa	44.079.360.240	27.314.914.121
	Cho thuê thiết bị	516.750.000	516.750.000
	Bán vật tư, hàng hóa	107.844.000	45.144.000
	Bán quyền nhãn hiệu	866.723.369	633.920.330
	Doanh thu khác	20.696.100	-
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Mua hàng hóa	99.051.019.520	91.118.760.400
	Bán vật tư, hàng hóa	39.941.715.329	25.541.135.036
	Bán quyền nhãn hiệu	34.984.872	11.395.728
	Doanh thu khác	7.280.179	-
	Bán quyền nhãn hiệu	75.034.988	48.599.782
	Bán vật tư, hàng hóa	50.160.000	-
	Cho thuê kho	155.652.000	-
	Điện, nước và khác	3.544.186	-
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Nam Định	Mua hàng hóa	70.593.234	23.296.320
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Mua hàng hóa	3.505.090.520	-
Công ty CP Bia Hà Nội - Kim Bài	Mua hàng hóa	-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2026	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025
	Bán vật tư, hàng hóa	1.605.430.740	56.948.000
	Bản quyền nhãn hiệu	356.502.384	362.680.416
	Doanh thu khác	27.095.684	-
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO	Cho thuê mặt bằng	648.000.000	561.600.000
	Cước vận chuyển, bốc xếp	7.350.274.702	4.287.072.446
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng	Bán phế liệu	105.168.360	22.487.400
Công ty CP Bao bì Habeco	Mua vật tư bao bì	22.856.612.544	13.885.714.920
	Điện, nước và khác	30.032.000	17.616.000
	Chi phí khác	-	18.000.000

Cho đến cuối kỳ, các khoản công nợ chưa được thanh toán với các bên liên quan khác như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả) Cuối kỳ	Đầu năm	Đơn vị tính: VND
Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hồng Hà	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê mặt bằng	958.413.026	1.328.873.510	
	Mua hàng hóa	-	(280.800.000)	
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa, cho thuê tài sản	6.726.515.383	23.446.633.510	
	Mua hàng hóa	(1.598.821.422)	(56.858.198.140)	
Công ty Cổ phần Bao bì Bia - Rượu - Nước giải khát	Mua hàng hóa	(1.164.326.200)	(470.318.200)	
Công ty CP Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội	Mua hàng hóa	(22.176.000)	(63.467.000)	
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Dương	Bán vật tư, hàng hóa	147.596.256	310.720.562	
Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng	Bán vật tư, hàng hóa	15.682.838	53.269.254	
Công ty CP Bia Hà Nội - Nghệ An	Mua hàng hóa	(12.760.834.776)	(37.367.442.853)	
	Bán vật tư, hàng hóa	45.365.060	26.546.779	
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Bình	Bán vật tư, hàng hóa	1.724.976	-	
	Mua hàng hóa	(5.353.673.916)	(8.901.689.918)	
Công ty CP Bia Hà Nội - Quảng Trị	Bán vật tư, hàng hóa	16.714.636	16.324.265	
	Mua hàng hóa	(17.563.868.099)	(18.906.968.470)	
Công ty CP Bia Hà Nội - Thái Bình	Mua hàng hóa	(9.390.516.300)	(151.655.625)	
	Bán vật tư, hàng hóa	3.582.159.792	2.128.750.042	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị khoản phải thu/(phải trả)	
		Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Bia Hà Nội - Thanh Hóa	Mua hàng hóa	(22.008.283.947)	(52.245.916.152)
	Bán vật tư, hàng hóa	31.113.197.921	6.502.343.047
	Nhận ký quỹ, ký cược	(7.419.503.800)	(7.385.716.600)
	Bán vật tư, hàng hóa	302.458.686	717.254.581
	Mua hàng hóa	(1.143.256.654)	(85.033.987.335)
	Nhận trước tiền hàng	(4.147.583.103)	(18.724.877.098)
	Chi phí hỗ trợ bán hàng, thuê keg và vận chuyển bốc xếp	(32.594.275.960)	(39.910.237.800)
	Nhận trước tiền hàng	(546.001.172)	(546.001.172)
	Bán hàng hóa, thuê MB	142.310.978.031	37.046.648.647
	Nhận ký cược chai keg	(121.804.325.000)	(134.692.605.000)
	Phải trả khác	(151.327.680.277)	(342.187.211.196)
	Phải thu khác	183.975.000	-
	Bán vật tư, hàng hóa	139.038.307	104.084.747
	Thuế kho	-	(332.848.000)
	Bán vật tư, hàng hóa	64.287.384	44.132.813
	Bán vật tư, hàng hóa	2.148.151.113	1.779.539.216
	Mua hàng hóa	(143.320.100)	(2.542.100.000)
	Cước vận tải	(3.469.890.820)	(2.148.416.204)
	Cho thuê mặt bằng	302.458.686	-
	Bán vật tư, hàng hóa	32.434.560	24.122.880
	Mua hàng hóa	(6.558.383.715)	(6.050.229.099)
Công ty CP phân bia Hà Nội - Nam Định			
Công ty TNHH Thủy Tinh San Miguel Yamamura Hải Phòng			
Công ty Cổ phần bia Hà Nội - Kim Bài			
Công ty Cổ phần Vận tải HABECO			
Công ty CP Bao bì Habeco			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Trong kỳ kế toán Quý 1 năm 2026, thu nhập của Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ tên	Chức danh	Quý 1/2026 VND	Quý 1/2025 VND	Lũy kế từ đầu năm đến Cuối kỳ VND	Lũy kế từ đầu năm đến 31/3/2025 VND
Lương, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Đình Thanh	Chủ tịch	347.910.000	297.600.000	347.910.000	297.600.000
Ông Ngô Qué Lâm	Thành viên	48.000.000	40.800.000	48.000.000	40.800.000
Ông Vũ Xuân Dũng	Thành viên	48.000.000	40.800.000	48.000.000	40.800.000
Ông Trần Thuận An	Thành viên	48.000.000	40.800.000	48.000.000	40.800.000
Ông Bùi Hữu Quang	Thành viên	48.000.000	40.800.000	48.000.000	40.800.000
Bà Quan Lê Hà	Thành viên	48.000.000	40.800.000	48.000.000	40.800.000
Ông Trần Danh Đáng	Thành viên	48.000.000	40.800.000	48.000.000	40.800.000
Thu nhập của thành viên Ban Kiểm soát					
Bà Chử Thị Thu Trang	Trưởng Ban kiểm soát	244.800.000	187.200.000	244.800.000	187.200.000
Ông Trần Đức Giang	Thành viên	48.000.000	24.000.000	48.000.000	24.000.000
Bà Thiều Hồng Nhung	Thành viên	48.000.000	24.000.000	48.000.000	24.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và các thành viên quản lý chủ chốt khác					
Ông Ngô Qué Lâm	Tổng Giám đốc	474.531.750	268.800.000	474.531.750	268.800.000
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt khác		1.830.897.000	1.022.400.000	1.830.897.000	1.022.400.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Tổng Công ty.

Khu vực địa lý

Tổng Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý lãnh thổ Việt Nam nên không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh các sản phẩm bia, do đó không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

4. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/3/2026, Tổng Công ty có thể chấp, cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh V.2). Ngoài ra, Tổng Công ty không có bất kỳ khoản vay nào tại các ngân hàng, đồng thời Tổng Công ty cũng không có nắm giữ tài sản đảm bảo của đơn vị khác.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Tổng Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tổng Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Tổng Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Tổng Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)**

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối kỳ	1.262.880.080.312	-	1.262.880.080.312
Phải trả cho người bán	622.276.012.381	-	622.276.012.381
Chi phí phải trả	194.680.958.524	-	194.680.958.524
Các khoản phải trả khác	445.923.109.407	-	445.923.109.407
Số đầu năm	1.645.247.630.100	-	1.645.247.630.100
Phải trả cho người bán	1.159.881.170.059	-	1.159.881.170.059
Chi phí phải trả	50.500.908.366	-	50.500.908.366
Các khoản phải trả khác	434.865.551.675	-	434.865.551.675

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tổng Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Tổng Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Tổng Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định Tổng Công ty sẽ hoạt động liên tục.

521388.
CÔNG TY
TNHH
ẨM TOÀN
NVA
40° HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ: 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (tiếp theo)****9. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 1 năm 2025 kết thúc ngày 31/3/2025 đã được soát xét. Số liệu này được phân loại lại theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 27/10/2025 về hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2025	Chênh lệch
	Phân loại lại	Trước phân loại	
C. NỢ PHẢI TRẢ	1.774.813.708.631	1.774.813.708.631	-
I. Nợ ngắn hạn	1.774.813.708.631	1.632.601.371.725	142.212.336.906
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	61.723.435.284	-	61.723.435.284
10. Phải trả ngắn hạn khác	148.864.398.672	68.375.497.050	80.488.901.622
II. Nợ dài hạn	-	142.212.336.906	(142.212.336.906)
8. Phải trả dài hạn khác	-	142.212.336.906	(142.212.336.906)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.111.015.559.875	6.111.015.559.875	-

Người lập biểu



Trần Quốc Việt

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2026

Kế toán trưởng



Phạm Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Ngô Quế Lâm

